

NÂNG CAO NGHIỆP VỤ VÀ PHÁT TRIỂN CÁ NHÂN QUA TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ, THỰC TẬP SƯ PHẠM Ở THÁI LAN

HUỲNH THỊ THÚY DIỄM*

Ngày nhận bài: 08/09/2016; ngày sửa chữa: 13/09/2016; ngày duyệt đăng: 14/09/2016.

Abstract: The article analyses significances of practical experience in Thailand in providing opportunities for students to learn the culture and education systems of this nation and compare to Vietnam's. Based on qualitative research on 6 students of the natural sciences of Pedagogical Faculty in Can Tho University, data collected by students' diary, photos and reports, the results show that all these students have learned valuable lessons in studying culture and education systems, using English to communicate working in groups, developing pedagogical competences and improving individual's abilities. Moreover, experiences learned by overcoming challenges are the grounds for better other programs.

Keywords: Experience, pedagogical competences, and personal development.

1. Để đáp ứng yêu cầu của xu thế toàn cầu hóa, từ những năm 50-60 của thế kỉ XX, các quốc gia trên thế giới có xu hướng liên kết với nhau để cùng hợp tác, phát triển. Trong lĩnh vực GD-ĐT, việc tổ chức cho sinh viên (SV) tiếp cận với các nền văn hóa, cũng như hệ thống giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới là việc làm hết sức cần thiết (chương trình trải nghiệm thực tế). Hoạt động này mang lại nhiều giá trị thiết thực cho SV như: kinh nghiệm giảng dạy; cải thiện khả năng sử dụng ngôn ngữ thứ hai, hiểu biết những giá trị văn hóa khác nhau, phát triển bản thân và nghề nghiệp.

Trên thế giới, chương trình trải nghiệm thực tế để phát triển nghề nghiệp trong tương lai của SV được bắt đầu vào năm 1972 giữa các trường đại học thuộc miền Nam nước Mỹ. Sau đó chương trình này được thực hiện ở các nước khác nhau. Việc học hỏi kinh nghiệm từ thực tế được thực hiện trên nhiều lĩnh vực như: Nghệ thuật, Giáo dục, Sức khỏe, Cộng đồng, Thương mại, Công nghệ và rất nhiều ngành khác. Trong khu vực ASEAN, chương trình trải nghiệm thực tế, thực tập sư phạm đã được thực hiện ở Thái Lan cách nay 5 năm và SV quốc tế đến thực tập với họ chủ yếu là SV Mỹ. Năm 2016, chương trình thực tế, thực tập sư phạm thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên giữa Thái Lan và Việt Nam là chương trình đầu tiên được thực hiện giữa hai nước trong cộng đồng ASEAN cụ thể là giữa Trung tâm Khoa học Giáo dục (SEC) của Trường Đại học Srinakharinwirot (SWU) Thái Lan và Khoa Sư phạm (SOE) Trường Đại học Cần Thơ (CTU).

Trong bài viết này, chúng tôi chọn hướng nghiên cứu thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục về tác động của

việc giao lưu văn hóa và trải nghiệm thực tế, thực tập để làm rõ thêm các nền văn hóa khác nhau ảnh hưởng như thế nào đến việc phát triển cá nhân và phát triển nghề nghiệp của SV sư phạm. Vì thế, mục tiêu của chương trình trải nghiệm thực tế lần này là chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu, khám phá, tìm hiểu văn hóa, hệ thống giáo dục của Thái Lan. Đồng thời, nó cũng tạo ra cơ hội tốt để SV sư phạm trải nghiệm thực tế, thực tập, nhằm nâng cao và rèn luyện những kĩ năng dạy học trong một môi trường văn hóa mới và hệ thống giáo dục khác với Việt Nam.

2. Phương pháp và đối tượng tham gia nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên mô hình nghiên cứu giáo dục tự nhiên (naturalistic paradigm). Chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để thu thập và phân tích số liệu (chủ yếu là phương pháp so sánh liên tục để phân tích và hiểu sâu hơn về những trải nghiệm mà các đối tượng tham gia chương trình đã thu hoạch được thông qua chuyến đi 11 ngày trên đất nước Thái Lan), gồm 6 SV giỏi thuộc các ngành sư phạm (Vật lí, Hóa học, Sinh học và Giáo dục Tiểu học của SOE-CTU) tham gia chương trình trải nghiệm thực tế thực tập (Internship program) tại Trung tâm Khoa học giáo dục và hai trường phổ thông vùng nông thôn của Thái Lan thuộc hướng Đông Nam Bangkok. Trường Chongkoom Wittaya (cấp 1-2) và Trường Mathayom Pracharathan Nayao (cấp 2-3) của Thái Lan.

Trong quá trình thực hiện, chúng tôi giữ vai trò như một thành viên tham gia quan sát và làm việc cùng

* Trường Đại học Cần Thơ

SV như: lên kế hoạch bài dạy, quan sát SV dạy thử nghiệm trước nhóm, dạy thực tế trong lớp học. Chúng tôi thu thập dữ liệu từ: những hình ảnh nhật kí hàng ngày của SV; biên bản họp nhóm; những ghi chép thực tế trong việc quan sát 6 SV tham gia chương trình và sử dụng phương pháp so sánh liên tục để phân tích dữ liệu. Tiến trình này được thực hiện dựa trên các bước sau: - Xác định hiện tượng; - Phân đoạn; - Mã hóa dữ liệu; - Nhóm các dữ liệu và phân loại; - Sắp xếp lại theo từng chủ đề và tìm các mối liên quan giữa chúng. Kết quả phân tích dữ liệu được chia thành bốn nhóm bài học kinh nghiệm trình bày trong kết quả nghiên cứu sau:

3. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình nghiên cứu

3.1. Bài học trong việc giao lưu tìm hiểu văn hóa và hệ thống giáo dục. Qua những báo cáo về văn hóa và hệ thống giáo dục của hai nước cũng như tham gia các hoạt động tham quan trường học, đền, chùa, cung điện và bảo tàng của Thái Lan, đã giúp các SV Việt Nam có một cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về đất nước, con người Thái Lan. Các SV đã tìm ra sự tương đồng và sự khác biệt trong cấu trúc cơ bản của hệ thống giáo dục giữa hai quốc gia. Đồng thời, những hoạt động này nhằm giúp các em tránh được sự bối rối, có thêm tự tin khi tham gia giảng dạy thực tế ở lớp học. Đây cũng chính là cơ sở vững chắc giúp các em thiết kế giáo án giảng dạy phù hợp với từng đối tượng học sinh (HS), đảm bảo sự tương tác hiệu quả giữa giáo viên (GV) và HS trong quá trình dạy học.

Khi tham quan, các SV trong nhóm đều cho rằng đây là một trong những bài học về cách giới thiệu văn hóa và lịch sử thú vị nhất, dễ hiểu nhất và hấp dẫn bởi tính chuyên nghiệp của du lịch Thái Lan thông qua việc sắp xếp chương trình tham quan một cách logic, khoa học. Ngoài ra, việc tái hiện lại những câu chuyện về lịch sử, văn hóa, nét đặc sắc trong phong tục, tập quán, nghi lễ, nền ẩm thực, tín ngưỡng, kiến trúc, âm nhạc, nghệ thuật bằng mô hình và phương tiện đa truyền thông, ứng dụng các công nghệ hiện đại làm cho người xem hứng thú và dễ nhớ. Một trong những ý kiến chia sẻ của SV đã thể hiện để minh chứng cho vấn đề này:

“Thực tế tôi không thích môn Lịch sử cho lắm nhưng tôi đã thay đổi quan điểm rất thích lịch sử sau khi được tiếp cận cách giới thiệu văn hóa của người Thái Lan” (Phúc). “Chúng tôi không chỉ được nghe thuyết minh từ chị hướng dẫn, ở mỗi phòng chúng tôi như hoàn toàn bước chân vào một đất nước Thái

Lan thu nhỏ qua chiều dài lịch sử với sự tái hiện công phu qua các mô hình, mẫu vật thật, trình chiếu video trên tường, âm thanh sống động, hình ảnh 3D và đều được dịch sang tiếng Anh để mọi người đều có thể hiểu” (Thịnh).

Ngoài ra, việc tham quan lớp học, trường học và qua giao tiếp với những người dân bản địa sẽ tạo cơ hội cho SV hiểu biết thêm về những giá trị văn hóa khác nhau, giúp họ có sự tôn trọng cuộc sống và văn hóa của đất nước mà họ đến tham quan, học tập. Những kết quả này chứng tỏ hoạt động giao lưu tìm hiểu văn hóa, cũng như hệ thống giáo dục của nước bạn đã giúp cho SV phát triển những kĩ năng giao tiếp khi làm việc với thầy cô giáo, với Ban Giám hiệu nhà trường để tạo được mối quan hệ thân thiết trong giao tiếp và xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững sau này. Như vậy, việc hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán, hệ thống giáo dục sẽ giúp cho SV có những tiết dạy thực tế hiệu quả, vì văn hóa ảnh hưởng rất nhiều đến nhận thức cũng như lĩnh hội những kiến thức khoa học của SV.

3.2. Bài học trong việc sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp, làm việc nhóm. Quá trình làm việc nhóm giữa những thành viên có nền văn hóa khác nhau, trình độ học vấn khác nhau, môi trường làm việc khác nhau và đặc biệt ngôn ngữ sử dụng giao tiếp ở đây đều là ngôn ngữ thứ hai, sẽ tạo cơ hội tốt nhất cho SV sáng tạo, tư duy và tìm cách để thu hẹp khoảng cách trong những tình huống thực tiễn. Một SV đã chia sẻ: *“Trước khi tham gia chương trình, tôi không có nhiều cơ hội để giao tiếp bằng tiếng Anh, tôi thường sợ sai hoặc ngại giao tiếp với người nước ngoài. Nhưng khi đến trường Naya, tôi buộc mình phải sử dụng tiếng Anh trong tất cả hoạt động. Tôi phải cố gắng diễn đạt những suy nghĩ, ý kiến của mình bằng tiếng Anh. Tôi chọn những từ đơn giản, một nghĩa và nói to, nói chậm để mọi người có thể hiểu. Thậm chí có nhiều khi chúng tôi sử dụng ngôn ngữ hình thể, từ điển và viết để giải thích điều mình nói miễn sao hiểu nhau để làm việc tốt nhất. Tôi cảm thấy tự tin hơn để sử dụng tiếng Anh, tôi học được nhiều cách diễn đạt mới khi giao tiếp” (Thịnh).* *“Thông qua các buổi giao lưu và tiếp xúc giúp chúng tôi học được nhiều từ vựng và cách dùng câu sao cho hợp lí để người nghe dễ hiểu nhất” (Hiệp).*

Thông qua làm việc theo nhóm, SV sẽ có cơ hội hoàn thiện những kiến thức, rèn luyện kĩ năng giao tiếp, và chia sẻ những kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy như họ đã biết cách lắng nghe, góp ý sao cho tốt, biết cách diễn đạt và giải thích cho người

khác hiểu ý kiến của mình thông qua những buổi chuẩn bị giáo án, giảng thử góp ý xây dựng giáo án, đề cập về vấn đề này, một SV đã chia sẻ: “*Bản thân tôi khi được trải qua 10 ngày làm việc cùng mọi người (SV Việt Nam, SV Thái Lan đến các GV hướng dẫn từ trường Chongkoom thảo luận, đề xuất và lắng nghe ý kiến và phản hồi từ mọi người đã giúp tôi phát triển và hoàn thiện hơn về kỹ năng làm việc nhóm. Dù là SV năm thứ nhất thôi những tôi đã biết cách chia sẻ ý kiến mình với tập thể và ngược lại biết cách tiếp thu ý kiến từ mọi người một cách tích cực và tạo sự liên kết với mọi người trong nhóm để hoàn thành công việc tốt hơn*” (Thư).

Những kết quả trên đây chứng tỏ những kỹ năng nghe, nói và viết của SV đã cải thiện một cách đáng kể đồng thời họ còn tìm ra rất nhiều cách giao tiếp và diễn đạt mới như ngôn ngữ hình thể và tận dụng những phương tiện hiện đại để làm cho người nghe và người đối diện được hiểu nhau hơn. Một SV khác chia sẻ cách vượt qua những khó khăn và trở ngại trong giao tiếp rất thú vị trong chuyến đi như sau: “*Đa phần SV Thái Lan nói giọng trầm còn SV Việt Nam nói giọng cao. Hơn nữa, các bạn Thái Lan mặc dù có rất nhiều năm kinh nghiệm nhưng khả năng giao tiếp tiếng Anh của họ còn hạn chế nên trong quá trình làm việc với nhau các SV Việt Nam gặp không ít khó khăn trong vấn đề giao tiếp. Chính vì sự khó khăn này đã giúp cho SV Việt Nam có rất nhiều sáng tạo trong cách diễn đạt như: sử dụng ngôn ngữ hình thể, viết ra giấy, hay sử dụng iPad và cần nhắc nên sử dụng những từ ngữ nào phổ biến và dễ hiểu nhất*” (Thịnh).

3.3. Những kinh nghiệm trong việc phát triển nghề nghiệp giảng dạy.

Tham quan, dự giờ là một công việc rất cần thiết của người GV trước khi thực hiện việc giảng dạy của mình, để khám phá và tìm hiểu về phương pháp dạy học vai trò của GV, kỹ năng dạy học, cơ sở vật chất của nhà trường cũng như hoàn cảnh của HS ở tại địa phương đó. Bài học kinh nghiệm đầu tiên được hầu hết SV ghi nhận và cảm thấy rất thích thú là phương châm dạy học của người Thái Lan “*Dạy ít, học nhiều*” qua những lời chia sẻ sau: “*Cũng giống như ở Việt Nam về thời gian thực hiện một tiết học trên lớp là 45 phút nhưng nội dung truyền đạt cho HS trong tiết học đó thì quá ít so với một tiết dạy thực sự ở Việt Nam*” (Tuyền); “*Chiến thuật dạy học dựa theo mô hình 5E (Engage, Explore, Explain, Extend (or Elaborate), and Evaluate), sắp xếp các hoạt động cho HS tham gia, trình bày bảng dưới dạng sơ đồ nhánh. Trong khi, ở Việt Nam đa phần tiến trình dạy*

học theo 5 bước lên lớp (Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới, giảng nội dung bài mới, củng cố và dặn dò), và tóm tắt kiến thức trên bảng theo dạng hàng và chia cột. Hơn nữa, GV Thái Lan không phải soạn giáo án trước khi đến lớp. Việc soạn giáo án do Học viện Phát triển Khoa học Giáo dục và Kỹ thuật Thái Lan (IPST) phụ trách” (Vy).

Dựa trên những báo cáo và nhật kí của SV, chúng tôi phát hiện bài học kinh nghiệm quan trọng thứ hai được hầu hết các SV đề cập đến là khâu chuẩn bị giáo án. Nếu khâu chuẩn bị không tốt, GV của các trường không hiểu ý đồ của SV thì họ sẽ khó lòng chấp nhận cho SV thực hiện tiết dạy thực tế được. Bởi vì, việc giảng dạy này không đơn thuần dạy kiến thức mà nó còn bao hàm cả dạy tiếng Anh, tạo cơ hội cho HS tiếp xúc với người nước ngoài. Và một rào cản lớn nhất mà SV Việt Nam phải đối mặt là đa phần các GV thuộc chuyên ngành khoa học tự nhiên ở các trường này đều không biết tiếng Anh. Vì thế, quy trình này được xem là một phát hiện mới trong quá trình trải nghiệm thực tập thực tế mang đến sự thành công cho chính bản thân SV: “*Lên ý tưởng bằng tiếng Việt sau đó dịch sang tiếng Anh, rồi trình bày với SV Thái Lan, tiếp đến tranh luận và thống nhất, rồi dịch sang tiếng Thái cho GV hướng dẫn, sau đó chuẩn bị đồ dùng dạy học song ngữ, cuối cùng mới thực hiện giảng dạy. Nếu chúng tôi (SV Thái Lan, GV hướng dẫn và tôi) không thật sự hiểu nhau và thống nhất về kế hoạch dạy học thì chúng tôi sẽ không bao giờ có được một tiết dạy thành công*” (Vy).

Ngoài ra, dựa vào những hình ảnh, nhật kí và báo cáo của SV, chúng tôi nhận thấy, để có những tiết dạy ấn tượng, không nhàm chán và chiếm được cảm tình của nhiều HS cần tích cực áp dụng các phương pháp dạy học trực quan, dạy học nêu vấn đề: “*Tôi không sử dụng phương pháp diễn giảng quá nhiều trong bài dạy mà liên tục đặt ra các câu hỏi với mục đích hướng dẫn, yêu cầu HS quan sát. Ngoài ra, tôi học cách trình bày bảng theo dạng sơ đồ tư duy, thay vì dạng chia cột trên bảng như truyền thống. Tôi thấy cách này vô cùng hay vì thông qua đó có thể khái quát hóa lại kiến thức toàn bài, nhấn mạnh các phần trọng tâm cho HS dễ nhớ*” (Thịnh). “*qua trao đổi, tôi nhận thấy phương pháp giảng dạy của họ chủ yếu là trò chơi và thí nghiệm và nhấn mạnh ứng dụng thực tế, nếu những bài học có liên quan đến thực tế thì việc học trực tiếp ở những ao hồ, đồng ruộng, trang trại, nhà sửa xe, phòng làm nails và tiệm làm tóc là đương nhiên và các em được trải nghiệm thực tập tại nơi đây*” (Phúc).

3.4. Bài học kinh nghiệm trong việc phát triển cá nhân. Tham gia chương trình hơn 11 ngày nhưng tất cả các SV Việt Nam đều nhận thấy bản thân họ có những chuyển đổi tích cực, mà những chuyển đổi này do chương trình trải nghiệm thực tế đã mang lại cho họ. Vì thế, có thể thấy chương trình trải nghiệm này đã rất thành công và chính nó có ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức và hành động của SV trong tất cả những lãnh vực mà mục tiêu chương trình đã đề ra. Chẳng hạn, họ nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân: “*Quá trình thực giảng lần đầu tiên cũng như dự giờ những tiết dạy của các GV và thành viên khác của nhóm đã giúp tôi nhận ra được khả năng của bản thân mình cũng như những thiếu sót mà bản thân cần khắc phục*” (Thu).

Đồng thời, các em cũng thấy được tầm quan trọng trong môi trường làm việc quốc tế; phải biết hòa mình, hợp tác và tiếp thu những điều hay từ người khác; cách diễn đạt ngôn ngữ của họ như thế nào cho phù hợp; rèn luyện những kĩ năng sống và làm việc vì tập thể: “*Các chương trình trao đổi và giao lưu quốc tế mở ra cho SV nhiều cơ hội để trải nghiệm, khám phá cái mới, cái hay từ các quốc gia trên thế giới, giúp SV có tầm nhìn rộng hơn, xa hơn, áp dụng những điều học được xây dựng nước nhà, phát triển bản thân và tạo dựng được sự nghiệp ổn định và tốt đẹp trong tương lai*” (Thịnh). Chính môi trường làm việc này đã tạo cho tôi có cơ hội rèn luyện những kĩ năng tư duy và sáng tạo giúp các kĩ năng làm việc nhóm của tôi được phát huy tác dụng (Tuyền). Tôi nhận ra rằng ngoài một số kĩ năng cần thiết như: kĩ năng làm việc có kế hoạch chuyên nghiệp, kĩ năng làm việc nhóm, thì kĩ năng thích nghi trong những điều kiện làm việc không ổn định cũng cần thiết cho cá nhân (Vy). Quan trọng nhất đó chính là tôi nhìn nhận và đánh giá được khả năng của bản thân mình, từ đó hiểu được tầm quan trọng của năng lực làm việc quốc tế, không chỉ sống riêng cho mình mà muốn tiến bộ thì cần phải biết hòa mình, hợp tác và tiếp thu những điều hay từ người khác (Hiệp). Điều quan trọng cuối cùng tôi nhận ra bản thân cần cố gắng nhiều hơn để đáp ứng tiêu chuẩn về nguồn nhân lực trước xu thế hội nhập và toàn cầu hóa của thế giới (Phúc).

Việc hiểu biết về văn hóa, hệ thống giáo dục của các nước trên thế giới, trong khu vực thông qua trải nghiệm thực tế trong cộng đồng ASEAN rất cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp và phát triển bản thân của SV nói chung, SV sư phạm nói riêng. Dựa

trên những kết quả nghiên cứu đã thu thập được, chúng tôi nhận thấy chương trình trải nghiệm có ảnh hưởng đến nhận thức cá nhân liên quan và phát triển nghề nghiệp dựa trên những bài học kinh nghiệm mà các SV đã học được bao gồm các phần: văn hóa và hệ thống giáo dục; nâng cao trình độ tiếng Anh, phát triển nghề nghiệp; phát triển cá nhân... Do đó, theo chúng tôi, trong thời gian tới, các trường đại học, cao đẳng cần tăng cường tổ chức cho SV trải nghiệm thực tế cả ở trong nước và ngoài nước góp phần mở rộng sự hiểu biết, rèn luyện kĩ năng sống, kĩ năng nghề nghiệp, kĩ năng hòa nhập trong xu thế hội nhập hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Aikenhead, G. S. (1996). *Science Education: Border Crossing into the Subculture of Science*. Studies in Science Education, 27(December), 1-52. doi:10.1080/03057269608560077.
- [2] Aikenhead, G. S. (1997). *Many students cross cultural borders to learn*.
- [3] Aikenhead, G. S., & Jegede, O. J. (1999). *Cross-cultural science education: A cognitive explanation of a cultural phenomenon*. Journal of Research in Science Teaching, 36(3), 269-287. doi:10.1002/(SICI)1098-2736(199903)36:3<269::AID-TEA3>3.0.CO;2-T.
- [4] Brennan, S., Butt, M., Andersen, N., & Cushner, K. (2002). *The overseas Students teaching experience*.
- [5] Cobern, W. W., Editor, S., & Aikenhead, G. S. (1997a). *Toward a first nations cross-cultural science and technology curriculum*. Science Education, 81(2), 217-238. doi:10.1002/(SICI)1098-237X(199704)81:2<217::AID-SCE6>3.0.CO;2-I
- [6] Cobern, W. W., Editor, S., & Aikenhead, G. S. (1997b). *Toward a first nations cross-cultural science and technology curriculum*. Science Education, 81(2), 217-238. doi:10.1002/(SICI)1098-237X(199704)81:2<217::AID-SCE6>3.0.CO;2-I
- [7] Coleman, J. a. (1997). *Residence abroad within language study*. Language Teaching, 30(1), 1-20. doi:10.1017/S0261444800012659.
- [8] Glase, B. G., & Strauss, A. L. (1967). *The discovery of grounded theory: strategies for qualitative research*. Statewide Agricultural Land Use Baseline. doi:10.1017/CBO9781107415324.004.
- [9] Glaser, B. G. (2002). *Conceptualization: On theory and theorizing using grounded theory*. International Journal of Qualitative Methods, 1, 23-38. doi:10.1103/Physics.3.106.
- [10] Gunstone, R. F., Slattery, M., Baird, J. R., & Northfield, J. R. (1993). A case study exploration of development in preservice science teachers. Science Education, 77(1), 47-73. doi:10.1002/sce.3730770104.